

Bản án số: 32/2024/HN-ST
Ngày: 29/3/2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 375/2023/TLST-HN ngày 09/10/2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị D, sinh năm 1974 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hôn thú kê khai ngày 03 tháng 7 năm 2023, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày:

Chị và anh Trần Văn H quen biết nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/12/2003. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu tháng 5 năm 2023 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, không cùng quan điểm, không còn tiếng nói chung, hai bên đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có

kết quả. Chị và anh H chính thức sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên xác định không thể tiếp tục hôn nhân nên không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, chị D kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Trần Đức H1, sinh ngày 13/01/2002 và Trần Thị Bảo T, sinh ngày 24/5/2003 hiện nay đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Trần Văn H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị D, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phan Thị D có đơn và yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị D, anh H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D và anh Trần Văn H kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/12/2003, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do đôi bên thiếu sự tin tưởng, quan tâm nhau, thường xuyên cự cãi nhau, không cùng quan điểm, không còn tiếng nói chung, hai bên đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Trong thời gian sống ly thân hai bên không có thiện chí, biện pháp hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh H vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị D. Điều đó thể hiện anh H đã không có thiện

chỉ muốn vợ chồng đoàn tụ. Qua đó, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Đức H1, sinh ngày 13/01/2002 và Trần Thị Bảo T, sinh ngày 24/5/2003 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Phan Thị D có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị D đối với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Đức H1, sinh ngày 13/01/2002 và Trần Thị Bảo T, sinh ngày 24/5/2003 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Phan Thị D phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006588 ngày 18/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí vụ kiện chị D đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Long

